

Số: 37/2024/QĐST-HNGĐ

Cẩm Khê, ngày 19 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ L số: 72/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1983

- Bị đơn: Anh Trần Quang S, sinh năm: 1980

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Phùng Thị L, sinh năm 1955

Đều địa chỉ: Khu D, xã M, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 37, Điều 55, Điều 60, Điều 81, Điều 82 và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án và điều 26 luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Quang S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Trần Thị Trà M, sinh ngày 07/12/2007. Anh Trần Quang S trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Thị Trà L, sinh ngày 02/02/2010 và Trần Văn H, sinh ngày 03/9/2014 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Các bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

2.2. Về nghĩa vụ trả nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu H, anh Trần Quang S và bà Phùng Thị L thống nhất thỏa thuận: Chị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà L số tiền gốc 105.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi 1.050.000đ/ tháng x 13 tháng = 13.650.000đồng (tính từ tháng 3/2024 đến tháng 3/2025), thời hạn trả nợ cả gốc và lãi 1 lần vào ngày 31/3/2025.

Anh S không phải thanh toán tiền chênh lệch về trả nợ cho chị H do chị H tự nguyện không yêu cầu.

Đến thời hạn thỏa thuận, chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L mà bà L có đơn yêu cầu thi hành án thì chị H còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung; Công sức: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Trần Quang S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H tự nguyện nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 2.966.000đ (Hai triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) án phí nghĩa vụ chung về tài sản, tổng là 3.116.000đ (Ba triệu một trăm mười sáu nghìn đồng) tiền án phí. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0004776 ngày 05/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị H còn phải nộp 2.816.000đ (Hai triệu tám trăm mười sáu nghìn đồng) tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã M;
- Lưu: HS, VP

THẨM PHÁN

Trần Việt Dũng

